

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:15/2021/HS-ST

Ngày:15/4/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

1. Ông: Trần Hải Đăng

2. Ông: Lục Việt Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:08/2021/TLST-HS ngày 02-3-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS, ngày 25/3/2021 đối với bị cáo:

Bé Đức C; Sinh năm 1975; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chỉ huy trưởng Quân sự xã X;

Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 02/11/2020 HĐND xã X đã ra Quyết định tạm đình chỉ đại biểu Hội đồng nhân dân và ngày 05/11/2020, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Yên Thế ra Quyết định đình chỉ cấp ủy đảng đối với C.

Họ tên bố: Bé Đức X, sinh năm 1943; Họ tên mẹ: Giáp Thị B, sinh năm 1945; vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1983; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Bị hại: UBND xã X, huyện Y do ông Phạm Trung K, chủ tịch UBND xã làm đại diện (có đơn xin vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Ông Thân Nhân K, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Ngô Thị Q, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Bản X, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại phiên tòa thì vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 17/5/2012, Bé Đức C, ở bản N, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã X đến nay. Năm 2019, Bé Đức C được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch và tổ chức huấn luyện dân quân trên địa bàn xã X theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc tổ chức xây dựng và huấn luyện dân quân tự vệ năm 2019. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Y, Ủy ban nhân dân xã X giao Bé Đức C tham mưu, xây dựng kế hoạch huấn luyện dân quân năm thứ nhất, huấn luyện dân quân tại chỗ, huấn luyện dân quân cơ động và huấn luyện dân quân binh chủng. Ủy ban nhân dân xã X đã ban hành các Quyết định số 57, 58, 59, 60 cùng ngày 25/02/2019 đối với các loại hình huấn luyện nêu trên và đã được Ban chỉ huy quân sự huyện Y phê duyệt. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Bé Đức C đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình lập chứng từ kê không số lượng dân quân, số ngày công dân quân tham gia huấn luyện để chiếm đoạt tiền ngân sách xã X, cụ thể:

- Đối với loại hình huấn luyện dân quân năm thứ nhất: C đã lập chứng từ đề nghị thanh toán tiền huấn luyện dân quân với số lượng dân quân tham gia huấn luyện là 14 người với 197 ngày công và được UBND xã X duyệt chi cho số tiền 21.906.400 đồng. Quá trình điều tra xác định số người thực tế tham gia huấn luyện dân quân là 14 người với tổng số 65 ngày công. Số tiền C thực tế chi trả là 65×111.200 đồng/người/ngày = 7.228.000 đồng. Số ngày công C đã kê không là 132 ngày công và đã thanh toán không được số tiền 14.678.400 đồng.

- Đối với loại hình huấn luyện dân quân cơ động: C đã lập chứng từ đề nghị thanh toán tiền huấn luyện dân quân với số lượng dân quân tham gia huấn luyện là 31 người với 354 ngày công và được UBND xã X duyệt chi cho số tiền 39.364.800 đồng. Quá trình điều tra xác định số người thực tế tham gia huấn luyện dân quân là 26 người với 72 ngày công. Số tiền C thực tế chi trả là 72×111.200 đồng/người/ngày = 8.006.400 đồng. Số ngày công C đã kê không là 282 ngày công và đã thanh toán không được số tiền 31.358.400 đồng.

- Đối với loại hình huấn luyện dân quân tại chỗ: C đã lập chứng từ đề nghị thanh toán tiền huấn luyện dân quân với số lượng dân quân tham gia huấn luyện là 42 người với 279 ngày công và được UBND xã X duyệt chi cho số tiền 31.024.800 đồng. Quá trình điều tra xác định số người thực tế tham gia huấn luyện dân quân là 42 người với 89,5 ngày công. Số tiền C thực tế chi trả là $89,5 \times 111.200$ đồng/người/ngày = 9.952.400 đồng. Số ngày công C đã kê không là 189,5 ngày công và đã thanh toán không được số tiền 21.072.400 đồng.

- Đối với loại hình huấn luyện dân quân binh chủng: C đã lập chứng từ đề nghị thanh toán tiền huấn luyện dân quân với số lượng dân quân tham gia huấn

luyện là 15 người với 180 ngày công và được UBND xã X duyệt chi cho số tiền 20.016.000 đồng. Quá trình điều tra xác định số người thực tế tham gia huấn luyện dân quân là 13 người với 121,5 ngày công. Số tiền C thực tế chi trả là $121,5 \times 111.200 \text{ đồng/người/ngày} = 13.510.800 \text{ đồng}$. Số ngày công C đã kê không là 58,5 ngày công và đã thanh toán không được số tiền 6.505.200 đồng.

Tổng số ngày công C kê trong chứng từ là 1010 ngày và đã được UBND xã X duyệt chi số tiền 112.312.000 đồng. Tổng số ngày công C kê không là 662 ngày và đã thanh toán không được số tiền 73.614.400 đồng.

Quá trình điều tra, Bé Đức C khai nhận: Quá trình tổ chức hoạt động huấn luyện dân quân của xã X năm 2019, C có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, quản lý quân số dân quân tham gia huấn luyện và chấm ngày công tham gia huấn luyện của dân quân để chi trả chế độ trợ cấp ngày công lao động cho dân quân theo quy định. Trước khi tổ chức việc huấn luyện dân quân theo kế hoạch của từng loại hình huấn luyện thì C lập các biểu Bảng chấm công và Danh sách cấp tiền dân quân tham gia huấn luyện để sau này làm căn cứ thanh quyết toán với UBND xã. Số lượng dân quân được C lấy theo chỉ tiêu số lượng dân quân mà UBND huyện Y và UBND xã X giao, cụ thể: Đối với loại hình huấn luyện dân quân năm thứ nhất là 14 người, dân quân cơ động là 31 người, dân quân tại chỗ là 42 người và dân quân bình chủng là 15 người. Còn về định mức chi trả tiền trợ cấp ngày công lao động cho dân quân là 111.200 đồng/người/ngày công theo Luật dân quân. Tên dân quân trong các biểu Bảng chấm công và Danh sách cấp tiền thì C lập theo danh sách dân quân ở các bản do các Thôn đội trưởng rà soát đưa lên. Khi thực hiện việc huấn luyện dân quân đến loại hình nào thì C căn cứ vào dự toán chi, dự trù kinh phí đã được giao đối với loại hình đó để tự kê tăng (kê không) số người và số ngày công huấn luyện trong chứng từ cho phù hợp, khớp với số tiền trong dự trù kinh phí, giấy đề nghị thanh toán chứ không lập chứng từ, chấm công dân quân theo số người, số ngày công huấn luyện thực tế. Khi kết thúc huấn luyện thì C đánh dấu “X” đầy đủ vào Bảng chấm công huấn luyện dân quân theo định mức số ngày công phải huấn luyện đối với từng loại hình huấn luyện như dân quân năm thứ nhất là 15 ngày; tại chỗ là 07 ngày, cơ động là 12 ngày, bình chủng là 12 ngày chứ không lập chứng từ, chấm công dân quân tham gia huấn luyện theo số người, số ngày công huấn luyện thực tế. Sau đó, C in Bảng chấm công và Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân mà C đã lập không của loại hình đó ra và ký dưới mục “Người chấm công”, “NGƯỜI CẤP” rồi lập Giấy đề nghị thanh toán theo Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân, Bảng chấm công huấn luyện dân quân không kê trên để hoàn thiện chứng từ thanh toán với UBND xã X. Để hợp thức hóa chứng từ, C đã tự ký giả mạo chữ ký của dân quân hoặc nhờ người khác ký giả mạo tên các dân quân ở mục “Ký nhận” trong các Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân. Sau khi đã lập xong các chứng từ thanh toán theo quy định thì C lập Giấy đề nghị thanh toán theo tổng số tiền, tổng số ngày công huấn luyện mà C đã kê không đồng thời

ký vào mục “Người xin thanh toán” trong Giấy đề nghị thanh toán đề xuất thanh toán kinh phí huấn luyện dân quân với UBND xã X. Sau đó, C nộp các chứng từ thanh toán tiền huấn luyện dân quân cho chị Ngô Thị Q là kế toán ngân sách xã kiểm tra thẩm định để trình ông Thân Nhân K (khi đó là Chủ tịch UBND xã) ký duyệt chi. Sau khi rút được số tiền 112.312.000 đồng từ ngân sách xã X, C đã sử dụng 38.697.600 đồng để chi tiền trợ cấp ngày công lao động cho những người tham gia huấn luyện dân quân theo đúng số ngày công thực tế mà họ tham gia (trong đó C trực tiếp trả 13.955.600 đồng và thông qua 14 Thôn đội trưởng của xã Xuân Lương trả cho những người tham gia huấn luyện dân quân 24.742.000 đồng). Số tiền 73.614.400 đồng còn lại C sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Bé Đức C đã tự nguyện giao nộp số tiền 73.614.400 đồng để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số chứng từ, tài liệu, sổ sách có liên quan đến vụ án của UBND xã X để phục vụ công tác giám định. Thu giữ của C 01 Danh sách nhận tiền huấn luyện dân quân, 14 Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân, 01 USB lưu trữ tài liệu trong việc huấn luyện dân quân.

Ngày 03/9/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định để giám định chữ viết, chữ ký của Bé Đức C, các Thôn đội trưởng quân sự xã X; ông Thân Nhân K, sinh năm 1976 ở Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y (nguyên là Chủ tịch UBND xã X); bà Ngô Thị Q, sinh năm 1986, trú tại bản X, xã X (là Kế toán ngân sách xã); bà Lê Thị N, sinh năm 1984 ở bản N, xã X (là Thủ quỹ xã) và những người có tên trong các chứng từ thanh toán.

Tại Kết luận giám định số 1332/KL-KTHS ngày 21/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký mang tên Bé Đức C dưới mục “Người xin thanh toán”, “Người dự trù kinh phí”, “Người chấm công”, “NGƯỜI NHẬN TIỀN”, “NGƯỜI CẤP” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A5, A9, A10, A13, A14, A15, từ A19 đến A23, từ A27 đến A30, A34, A35 so với chữ ký của Bé Đức C trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tại dòng có số thứ tự 8, 22, 26, 1, 38, 11 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A21, A28, A35 so với chữ ký cùng dạng của Bé Đức C trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra. Chữ ký dưới mục “KẾ TOÁN TRƯỞNG”, “NGƯỜI LẬP”, “Kế toán” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5, từ A11 đến A15, A22, A23, A29, A30 so với chữ ký của Ngô Thị Quỳnh trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra. Chữ ký dưới mục “CHỦ TỊCH UBND XÃ”, “Thủ trưởng đơn vị”, “Chủ tịch UBND – Duyệt chi”, “Chủ tịch UBND – Duyệt dự trù”, “Chủ tịch UBND xã”, “CHỦ TÀI KHOẢN” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5, A9, A10, từ A11 đến A15, từ A19 đến A23, từ A27 đến A30, A34, A35 so với chữ ký của Thân Nhân K trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra. Chữ ký dưới mục “NGƯỜI NỘP”, “THỦ QUỸ” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5, A11, A13 so với chữ ký của Lê Thị N trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra. Ngoài ra, chữ ký

dưới mục “Ký nhận” trong Danh sách nhận tiền huấn luyện dân quân (ký hiệu A36) và chữ ký dưới mục “NGƯỜI CẤP” trong Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân năm 2019 (ký hiệu từ A37 đến A50) có chữ ký của 14 Thôn đội trưởng. Trong Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân của các loại hình huấn luyện, có 09 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang không giám định được mẫu chữ ký; 40 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký (viết) ra. Trong Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân của 14 bản xã Xuân Lương, có 07 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang không giám định được mẫu chữ ký; 21 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký (viết) ra; 12 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký (viết) ra.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 1923/KL-KTHS Ngày 29/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Trong Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân của các loại hình huấn luyện, có 06 trường hợp không giám định được mẫu chữ ký; 25 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký (viết) ra. Trong Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân của 14 bản xã X, có 08 trường hợp không giám định được mẫu chữ ký; 14 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký (viết) ra; 07 trường hợp Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký dạng chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký (viết) ra.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với 14 Thôn đội trưởng của xã X thời điểm năm 2019 thì những người này đều xác định Bé Đức C là người tổ chức huấn luyện và chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, chấm ngày công của dân quân tham gia huấn luyện, tuy nhiên số lượng dân quân tham gia huấn luyện và số ngày công huấn luyện trên các Danh sách chi trả tiền và Bảng chấm công huấn luyện dân quân do C lập để thanh toán kinh phí với UBND xã X đều không đúng với thực tế huấn luyện. Các Thôn đội trưởng đều không biết việc C kê khống số dân quân và số ngày công huấn luyện dân quân trong các chứng từ thanh toán tiền huấn luyện dân quân với UBND xã X và không được hưởng lợi gì trong việc này.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với 104 trường hợp là những người có tên trong các Bảng chấm công huấn luyện dân quân và Danh sách

chi trả tiền huấn luyện dân quân có trong chứng từ thanh toán do Bé Đức C lập và những người thực tế tham gia huấn luyện dân quân nhưng không có tên trong chứng từ đề nghị thanh toán. Trong đó có 88 trường hợp Cơ quan điều tra làm việc trực tiếp, 12 trường hợp xác minh việc tham gia huấn luyện qua người nhà cung cấp thông tin và 04 tr hợp không làm việc được do vắng mặt ở địa phương. Kết quả xác định có tổng số 95 người thực tế tham gia huấn luyện dân quân. Tất cả các trường hợp kể trên đều khẳng định thực tế không tham gia huấn luyện dân quân hoặc có tham gia nhưng không đủ số ngày công và không được nhận số tiền như trong các Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân do C lập mà những người này chỉ được nhận tiền chi trả thực tế do C hoặc do Thôn đội trưởng trực tiếp chi trả theo đúng số ngày công thực tế mà từng người tham gia. Các chữ ký mang tên của những người này trong các Danh sách chi trả tiền huấn luyện dân quân có trong chứng từ thanh toán do C lập đều là chữ ký giả mạo, không phải do các dân quân trực tiếp ký ra.

Quá trình điều tra xác định: Nguồn kinh phí mà UBND xã X đã cấp cho Bé Đức C để chi cho hoạt động huấn luyện dân quân là từ nguồn ngân sách nhà nước do UBND xã X quản lý. Theo quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện Y thì năm 2019 UBND xã X được cấp 241.300.000 đồng kinh phí cho lực lượng quân sự, trong đó chi cho hoạt động huấn luyện dân quân là 117.427.000 đồng. Số tiền này C có trách nhiệm quản lý, sử dụng.

Tại cơ quan điều tra Bé Đức C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 12/KSĐT ngày 28-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đã truy tố Bé Đức C về tội “Tham ô tài sản”, theo quy định tại khoản 1, Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bé Đức C phạm tội “Tham ô tài sản”:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, điều 38, khoản 3, Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bé Đức C từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng quân sự xã trong thời hạn 4 đến 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông K đại diện theo pháp luật của UBND xã Xuân Lương yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 73.614.400đ và đề nghị trả lại các chứng từ tài liệu sổ sách do UBND xã X đã cung cấp cho cơ quan điều tra.

Tại phiên tranh luận bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1.[Về Tố tụng]:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Thế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2.[Về tội danh]: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay Bé Đức C đều thừa nhận Bé Đức C là Chỉ huy trưởng quân sự xã X, huyện Y, năm 2019 UBND huyện Y giao cho UBND xã X Xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ. UBND xã X đã giao cho Bé Đức C tham mưu xây dựng kế hoạch huấn luyện 04 loại hình gồm: dân quân năm thứ nhất, dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân bình chủng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao Bé Đức C đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình lập chứng từ kê không số lượng dân quân, số ngày công dân quân tham gia huấn luyện để chiếm đoạt tiền ngân sách xã X là 73.614.400đ (bảy mươi ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Mục đích sử dụng chi tiêu cá nhân.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được điều đó có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định Cáo trạng số 12/CT-VKS-YT, ngày 28/02/2021 của viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại không những về tiền mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại

địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả nộp lại tiền trả lại cho bị hại. Bản thân bị cáo quá trình công tác được UBND huyện Y tặng giấy khen, có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Hành vi của bị cáo gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước do vậy cần thiết bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội sau này. Xong do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tại phiên tòa thể hiện sự ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Quá trình công tác trước đó có nhiều đóng góp cho địa phương. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải nên khi lượng hình cần cân nhắc xử bị cáo dưới mức khởi điểm cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 73.614.400đ cho UBND xã X, số tiền này quá trình điều tra bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra.

* Về vật chứng: Số tiền 73.614.400 đồng. Đây là tiền do bị cáo C nộp cần trả cho bị hại

04 chứng từ thanh toán tiền huấn luyện dân quân năm thứ nhất, dân quân cơ động, dân quân tại chỗ, dân quân binh chủng năm 2019 của xã X kèm theo các phiếu thu, chi, giấy rút dự toán ngân sách, đây là bản gốc các tài liệu do UBND xã X cung cấp phục vụ cho việc điều tra, nay UBND xã X đề nghị được xin lại, Xét thấy các chứng từ gốc cần trả lại cho UBND xã X.

* Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

Trong vụ án này ông Thân Nhân K Chủ tịch ủy ban nhân dân xã X là Trưởng ban chỉ đạo huấn luyện hội thao quốc phòng xã X năm 2019, Quá trình điều tra chứng minh ông K không chỉ đạo và không biết C lập khống và giả mạo các chữ ký đó và không được hưởng lợi gì từ việc C lập khống chứng từ do đó không có căn cứ xử lý hình sự đối với ông K về tội “tham ô tài sản” với vai trò đồng phạm. Trong quá trình huấn luyện ông K với vai trò trưởng ban chỉ đạo đã không đi kiểm tra thực tế các buổi huấn luyện chỉ nghe báo cáo từ C đã ký duyệt. Việc ông K không đi kiểm tra thực tế công tác huấn luyện, không nắm được số người, ngày

công tham gia huấn luyện thực tế để C lợi dụng chiếm đoạt tiền của nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách xã X là thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, tuy nhiên hành vi của ông K không cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” Ngày 30/01/2021 Cơ quan điều tra đã có công văn kiến nghị Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Yên Thế, UBND huyện Y xem xét xử lý đối với ông K là có căn cứ.

Đối với bà Ngô Thị Q khi thực hiện việc kiểm tra, thẩm định các chứng từ thanh toán do C lập bà Q thấy có đầy đủ các chữ ký, nội dung phù hợp với quy định của nhà nước do tin tưởng C nên bà Q đã ký xác nhận dưới mục kế toán và trình ông Khuyến xem xét thẩm duyệt. Bà Q không biết và không được hưởng lợi gì trong việc C lập chứng từ không. Do đó không có căn cứ xử lý về hình sự đối với bà Q. Cơ quan điều tra đã có công văn kiến nghị Đảng ủy, UBND xã X xem xét xử lý đối với bà Ngô Thị Q theo quy định là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1: Căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, điều 38, khoản 3 điều 54 của Bộ luật hình sự; Điều 331, điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bê Đức C 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

Cấm bị cáo C đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng quân sự xã 1 trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo C phải trả cho UBND xã X số tiền 73.640.400đ. UBND xã X được nhận lại số tiền 73.640.400đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế:

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại UBND xã X, huyện Y 04 chứng từ thanh toán tiền huấn luyện dân quân năm thứ nhất, dân quân cơ động, dân quân tại chỗ, dân quân binh chủng năm 2019 của xã X kèm theo các phiếu thu, chi, giấy rút dự toán ngân sách - (bản gốc) được đựng trong hộp bìa cattong dán kín, niêm phong của cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thế có dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thế và chữ ký các thành phần tham gia.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban th vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo C.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Bản án được thông qua phòng nghị án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA DS huyện Yên Thế;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao
- Bị cáo; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu VP, HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Vân Anh